

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19 /GPMT-BNNMT

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2402/GPMT-HK ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Bình Tân về việc hoàn thiện, chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Khu công nghiệp Hàm Kiệm II-Bita's và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bình Tân, địa chỉ tại xã Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Hàm Kiệm II-Bita's có địa chỉ tại xã Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Hàm Kiệm II-Bita's.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400534611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 4 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 21 tháng 12 năm 2016; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 48221000022 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Bình Thuận chứng nhận lần đầu ngày 03 tháng 7 năm

2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 14 tháng 12 năm 2011.

1.4. Mã số thuế: 3400534611.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp; ngành nghề được phép thu hút vào khu công nghiệp phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam bao gồm:

TT	Tên ngành, nghề được thu hút đầu tư	Mã ngành nghề
1	Công nghiệp may mặc, dệt nhuộm hoàn tất	C1312, C1313, C1391, C1392, C1393, C1394, C1399, C1410
2	Chế biến thực phẩm đóng hộp, nước giải khát	C1010, C1020, C1040, C1050, C1062, C1071, C1072, C1073, C1074, C1075, C1076, C1077, C1079, C1104, C1061, C1030
3	Sản xuất hàng tiêu dùng, hàng gia dụng, bao bì các loại, giày da (không thuộc da)	C1512, C1520, C2220, C2593, C1623, C1410, C3100, C3220, C3230, C3240, C3290, C2211, C2219, C2310
4	Ngành công nghiệp cơ khí, lắp ráp phương tiện vận tải	C2431, C2432, C2591, C2592, C2511, C2512, C2593, C2910, C2920, C2930, C3091, C3092, C3099, C3250 (chỉ lắp ráp), C25999
5	Sản xuất vật liệu trang trí nội thất, ngoại thất, chế biến gỗ gia dụng	C1610, C1621, C1622, C1623, C1629, C3100, C2393
6	Công nghiệp lắp ráp điện – điện tử	C2610, C2640, C2651, C2652, C2710, C2720, C2740, C2750, C2790, C2720, C2731, C2732, C2733, C3311, C3312, C3313, C3314, C3319, C3320 (chỉ lắp ráp)
7	Sản xuất linh kiện máy tính truyền thông và cảm biến	C2610, C2620, C2630
8	Chế biến mỹ phẩm và các chế phẩm	C2023
9	Dịch vụ trung chuyển và vận chuyển kho bãi	H4933, H5210, H5229, H5221, H5222, H5223, H5224, H5225, H5310, H5320
10	Ngành nghề chiết nạp LPG	D35202
11	Sản xuất phân bón	C2012 (không sử dụng nguyên liệu thô)
12	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, tôm cá	C1080 (không sản xuất bột cá từ nguyên liệu thô)
13	Sản xuất dược liệu	C2100

TT	Tên ngành, nghề được thu hút đầu tư	Mã ngành nghề
14	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	C2391, C2392
15	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	C2394, C2395

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).
- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).
- Tổng diện tích: 401,5730 ha.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.
- 2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư Bình Tân.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Bình Tân có trách nhiệm:
 - 2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.
 - 2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
 - 2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.
 - 2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm.

(từ ngày ..25.. tháng ..3... năm 2025 đến ngày ..24.. tháng ..3... năm 2032).

Các Giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Thuận tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Bình Thuận (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở NN&MT tỉnh Bình Thuận;
- Ban Quản lý các KCN Bình Thuận;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ NN&MT;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Bình Tân;
- Lưu: VT, MT, Th.12.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt, bao gồm:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (đã xử lý sơ bộ qua bể tự hoại) phát sinh từ khu nhà vệ sinh của cán bộ, công nhân làm việc tại nhà điều hành của Khu công nghiệp Hàm Kiệm II-Bita's (KCN).

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (đã xử lý sơ bộ qua bể tự hoại) phát sinh từ hoạt động vệ sinh của cán bộ, công nhân vận hành trạm xử lý nước thải (XLNT) tập trung của KCN.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà ở công nhân (nước thải từ nhà vệ sinh sau bể tự hoại 3 ngăn; nước thải từ khu bếp sau bể tách dầu mỡ; nước thải rửa tay chân, lau sàn).

1.2. Nguồn phát sinh nước thải sản xuất, bao gồm:

- Nguồn số 04: Nước thải sau xử lý sơ bộ từ các cơ sở thứ cấp trong KCN.

- Nguồn số 05: Nước thải từ máy ép bùn của trạm XLNT tập trung của KCN.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Kênh KT4 - Tuyến kênh thoát nước mưa ngoài hàng rào KCN và Khu dân cư - Dịch vụ Hàm Kiệm, thôn Dân Phú, xã Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý từ trạm XLNT tập trung của KCN xả ra kênh KT4 thuộc địa phận thôn Dân Phú, xã Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 1208639; Y= 446662 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00' múi chiều 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.500 m³/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý được chảy qua hồ thăm nước thải, sau đó nước thải được thoát ra kênh KT4 - Tuyến kênh thoát nước mưa ngoài hàng rào KCN và Khu dân cư - Dịch vụ Hàm Kiệm, thôn Dân Phú, xã Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

- Hình thức xả: Xả mặt, tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40	3 tháng/lần	Thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	pH	-	6-9		
3	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	27		
4	COD	mg/l	67,5		
5	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	45		
6	Amoni (tính theo Nitơ)	mg/l	4,5		
7	Màu	Pt/Co	50		Không yêu cầu
8	Asen (As)	mg/l	0,045		
9	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,0045		
10	Chì (Pb)	mg/l	0,09		
11	Cadimi (Cd)	mg/l	0,045		
12	Crom VI (Cr $^{6+}$)	mg/l	0,45		
13	Crom III (Cr $^{3+}$)	mg/l	0,18		
14	Đồng (Cu)	mg/l	1,8		
15	Kẽm (Zn)	mg/l	2,7		
16	Niken (Ni)	mg/l	0,18		
17	Mangan (Mn)	mg/l	0,45		
18	Sắt (Fe)	mg/l	0,9		
19	Tổng Xianua (CN)	mg/l	0,063		
20	Tổng Phenol	mg/l	0,09		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		
22	Sunfua (S)	mg/l	0,18		
23	Florua (F $^{-}$)	mg/l	4,5		
24	Tổng Nitơ	mg/l	18		
25	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	3,6		
26	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000		
27	Clorua	mg/l	450		
28	Clo dư	mg/l	0,9		
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
31	Tổng PCB	mg/l	0,0027	1 năm/lần	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045		Không yêu cầu
33	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,27		

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về trạm xử lý nước thải:

- Nguồn số 01, 02 và 03: Nước thải sinh hoạt được thu gom đưa về bể tự hoại để xử lý sơ bộ sau đó được đưa về trạm XLNT tập trung của KCN để xử lý.
- Nguồn số 04: Được xử lý sơ bộ tại các doanh nghiệp thứ cấp đạt tiêu chuẩn đầu nổi nước thải của KCN sau đó được thu gom về trạm XLNT tập trung của KCN để xử lý.
- Nguồn số 05: Được thu gom về trạm XLNT tập trung của KCN để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Cải tạo, xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung KCN có công suất thiết kế 2.500 m³/ngày, cụ thể như sau:

- Quy trình xử lý: Nước thải → Trạm bơm → Thiết bị lược rác tinh → Bể lắng cát → Bể điều hòa → Bể phản ứng/keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí Anoxic → Bể hiếu khí Aerotank → Bể lắng sinh học (1) → Bể chứa nước (2) → Bồn lọc → Bể khử trùng → Quan trắc tự động, liên tục → Cửa xả nước thải → Kênh KT4.

(1) → Bể chứa bùn → Máy ép bùn

(2) → Hồ sơ cố → bể điều hòa.

- Công suất thiết kế: 2.500 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH (99%), H₂SO₄, PAC, A-Polymer, Methanol, NaOCl 10% (Javen), C-Polymer (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm (đã lắp đặt).

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc, sau trạm XLNT tập trung của KCN (sau bể khử trùng), trước khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.
- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.
- Camera theo dõi: Đã lắp đặt 02 camera giám sát: 01 camera tại nhà điều hành trạm XLNT, 01 camera tại vị trí cửa xả.
- Kết nối, truyền dữ liệu: Số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Thuận để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng hồ sự cố có thể tích thiết kế 1.675 m³, đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải trong trường hợp hệ thống XLNT tập trung của KCN gặp sự cố. Hồ sự cố có đáy được lót lớp HDPE chống thấm.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

a) Biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Bố trí các nhân viên kỹ thuật vận hành trạm XLNT tập trung tuân thủ theo đúng quy trình kỹ thuật vận hành và ghi chép nhật ký vận hành trạm XLNT tập trung.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.
- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Thường xuyên giám sát chất lượng nước thải đầu vào của trạm XLNT tập trung, đảm bảo tiêu chuẩn nước thải đầu vào nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý của hệ thống.
- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của trạm XLNT tập trung.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát, nạo vét hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

b) Các biện pháp ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường: Tiến hành đóng van xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận, mở van xả nước thải sau xử lý về hồ sự cố, nước thải từ bể quan trắc sẽ tự chảy về hồ sự cố để lưu trữ; nước thải từ bể thu gom sẽ bơm về hồ sự cố để lưu trữ. Nhân viên vận hành rà soát tìm nguyên nhân, sau đó tiến hành cải thiện hiệu quả vận hành của hệ thống XLNT. Sau khi khắc phục, nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp hệ thống XLNT gặp sự cố:

+ Trường hợp lưu lượng hoặc chất lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận: Khi xảy ra sự cố, kiểm tra chất lượng nước thải của các doanh nghiệp nghi vấn, lập biên bản đối với doanh nghiệp xả không đạt tiêu chuẩn. Các doanh nghiệp không bị vượt chuẩn vẫn xả thải bình thường; tiến hành điều chỉnh giảm lưu lượng nước thải đi vào hệ thống XLNT tập trung, lượng nước thải còn lại từ bể thu gom được bơm về lưu chứa tại hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

+ Trường hợp xảy ra sự cố về thiết bị hoặc hệ thống XLNT tập trung dùng để bảo dưỡng, thay thế thiết bị: Tiến hành đóng van xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận, mở van xả nước thải sau xử lý về hồ sự cố, nước thải từ bể quan trắc sẽ tự chảy về hồ sự cố để lưu trữ; nước thải từ bể thu gom sẽ bơm về hồ sự cố để lưu trữ. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

+ Trường hợp xảy ra sự cố do quá trình xử lý hóa lý, sinh học: Tiến hành đóng van xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận, mở van xả nước thải sau xử lý về hồ sự cố, nước thải từ bể quan trắc sẽ tự chảy về hồ sự cố để lưu trữ; nước thải từ bể thu gom sẽ bơm về hồ sự cố để lưu trữ. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

+ Trường hợp hệ thống XLNT tập trung ngừng hoạt động đột ngột do sự cố mất điện: Sử dụng máy phát điện dự phòng cho quá trình hoạt động của hệ thống XLNT tập trung.

1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của các nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn phép
1	Nhiệt độ	oC	45
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5 đến 9
4	BOD5 (20oC)	mg/l	≤400
5	COD	mg/l	≤500
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	≤300
7	Asen	mg/l	0,09
8	Thủy ngân	mg/l	0,009
9	Chì	mg/l	0,45
10	Cadimi	mg/l	0,09
11	Crom (VI)	mg/l	0,09
12	Crom (III)	mg/l	0,9
13	Đồng	mg/l	1,8
14	Kẽm	mg/l	2,7
15	Niken	mg/l	0,45
16	Mangan	mg/l	0,9
17	Sắt	mg/l	4,5
18	Tổng xianua	mg/l	0,09
19	Tổng phenol	mg/l	0,45
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9
21	Sunfua	mg/l	0,45
22	Florua	mg/l	9
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	15
24	Tổng nito	mg/l	60
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	8
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước	mg/l	540

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn phép
	mặn, nước lợ)		
27	Clo dư	mg/l	1,8
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,09
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,9
30	Tổng PCB	mg/l	0,009
31	Coliform	Vi khuẩn/100ml	-
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm XLNT tập trung công suất 2.500 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đầu vào: Tại vị trí bể điều hòa của trạm XLNT tập trung.
- Đầu ra: Tại mương quan trắc, sau hệ thống XLNT tập trung của KCN (sau bể khử trùng), trước khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống XLNT theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống XLNT theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT) và theo cam kết, đề nghị của Công ty, cụ thể như sau:

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của hệ thống XLNT vận hành thử nghiệm) trong ít nhất là 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, XLNT phát sinh từ hoạt động của KCN bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của KCN.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử

nghiệm công trình XLNT. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung trong quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình XLNT, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Thuận trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm hệ thống XLNT.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, XLNT. Việc vận hành hệ thống XLNT tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Thuận. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP) và Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.7. Có kế hoạch và lộ trình nâng cấp, cải tạo (trường hợp cần thiết) hệ thống xử lý nước thải để bảo đảm giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032.

3.8. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong KCN để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy nén khí, máy bơm phục vụ cho trạm XLNT tập trung.
- Nguồn số 02: Máy ép bùn.
- Nguồn số 03: Khu vực nhà đặt máy phát điện dự phòng tại khu vực trạm XLNT tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1207594; Y = 568756.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1207594; Y = 568716.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1208698; Y = 446637.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00' múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- 1.1. Kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ.
- 1.2. Định kỳ kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng máy móc, thiết bị bảo đảm động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.
- 1.3 Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung được kê các đệm chân đế máy để hạn chế độ rung. Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị, bảo đảm các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng dự kiến (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in	08 02 04	5
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ xử lý nước thải	12 06 05	569.400
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	2
4	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	20
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	10
6	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	16 01 13	5
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	10
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	10
9	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	10
10	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau có các thành phần nguy hại	18 02 01	10
Khối lượng tổng cộng			569.482

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Cặn, rác thải từ song chắn rác của trạm xử lý nước thải tập trung	180
2	Bùn nạo vét từ hoạt động bảo trì hệ thống thoát nước mưa, nước thải	7.500
Tổng khối lượng		7.680

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: **0,6 tấn/năm**.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa, thùng phuy có nắp đậy; bao bì.

2.1.2. Kho lưu chứa: 01 kho chứa chất thải nguy hại với diện tích thiết kế là 20,25 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao, nền chống thấm, có mái che, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng chảy tràn, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy; bao bì.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy; bao bì.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Chất thải được chứa trong các thùng có nắp đậy và được đặt tại các khu vực phát sinh chất thải và thuận tiện cho việc thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP) và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật phần diện tích 68,88 ha trên tổng diện tích 401,5730 ha của Dự án “Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Hàm Kiệm II-Bita's” tại xã Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

2. Các nội dung tiếp tục thực hiện theo, cụ thể như sau:

2.1. Các hạng mục cơ sở hạ tầng: Cải tạo, nâng cấp hệ thống XLNT hiện hữu (công suất 2.500 m³/ngày), hoàn thành xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng trên phần diện tích còn lại theo tiến độ lắp đầy công nghiệp.

2.2. Xây dựng công trình bảo vệ môi trường:

- Xây dựng, lắp đặt các module còn lại của hệ thống XLNT tập trung của KCN nâng tổng công suất của hệ thống XLNT tập trung của toàn KCN là 25.000 m³/ngày theo tiến độ đầu tư và nhu cầu đầu nối nước thải của các cơ sở đầu tư thứ cấp trong KCN với số lượng 05 modul, trong đó gồm: 04 modul, mỗi modul có công suất 5.000m³/ngày và 01 modul có công suất 2.500m³/ngày.

- Dự kiến xây dựng thêm hồ sơ cô dung tích thiết kế 6.250 m³ (nâng tổng dung tích hồ sơ cô của toàn KCN là 7.925 m³) để lưu chứa nước thải khi hệ thống XLNT tập trung của KCN gặp sự cố.

- Trồng cây xanh trên tổng diện tích 44,40 ha của KCN.

2.3. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng các phần diện tích đất còn lại của Dự án; cải tạo, nâng cấp hệ thống XLNT tập trung của KCN, cụ thể như sau:

- Đối với thu gom và xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh trên công trường tại các nhà vệ sinh di động được nhà thầu thi công định kỳ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định; tuyệt đối không xả ngoài môi trường. Quy trình thu gom, XLNT sinh hoạt: Nước thải → Nhà vệ sinh di động → Đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Nước thải từ hoạt động rửa phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường được thu gom và xử lý bằng phương pháp hố lắng, tách cặn sau đó thoát ra hệ thống thoát nước mưa của KCN hiện hữu. Bùn đất, cát tại hố lắng được đào đắp ngay tại công trường. Quy trình thu gom, XLNT từ hoạt động vệ sinh phương tiện: Nước thải → Hố lắng/tách cặn → Hệ thống thoát nước mưa của KCN hiện hữu.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị, thi công của Dự án chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

- Đối với xử lý bụi, khí thải:

+ Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập kế hoạch tổ chức thi công như các biện pháp thi công, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bố trí kho, bãi nguyên vật liệu.

+ Lập hàng rào bằng tôn xung quanh khu vực công trường thi công; chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe đều được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

+ Tưới nước tạo độ ẩm tại những khu vực phát sinh nhiều bụi với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

+ Thường xuyên thu gom toàn bộ khối lượng đất cát, cây cỏ phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Tận dụng một phần đất đá, bê tông, phế liệu, ... phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng để phục vụ quá trình thi công, xây dựng; phần không sử dụng phải hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Tần suất: Thường xuyên.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên phục vụ Dự án được thu gom vào các thùng rác có nắp đậy, sau đó chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

+ Bố trí các thiết bị chuyên dụng chứa chất thải nguy hại, có nắp đậy và dán nhãn, nhà thầu thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do nhiễm tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công:

+ Chỉ sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, đã được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; bố trí nhân sự tại các chốt để điều tiết giao thông trong phạm vi KCN; yêu cầu các phương tiện phải tắt máy khi dừng đỗ trong phạm vi KCN.

+ Trồng cây xanh đảm bảo diện tích theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2.4. Các biện pháp khác trong giai đoạn thi công xây dựng các phần diện tích đất còn lại của Dự án, cụ thể như sau:

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông trong giai đoạn thi công: Xây dựng phương án tổ chức thi công, đảm bảo an toàn giao thông công cộng trong quá trình thi công, dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

3. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường để được xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng đặt tại trạm XLNT tập trung (01 máy phát điện công suất là 200 kVA, nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; có biện pháp kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình XLNT và lưu giữ chất thải.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của KCN phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong KCN phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy hoạch phân khu chức năng của KCN được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

7. Thỏa thuận cụ thể điều kiện đầu nối nước thải với các nhà đầu tư thứ cấp trong KCN trước khi thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống XLNT tập trung, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong KCN được thu gom, đầu nối vào hệ thống XLNT tập trung để xử lý.

8. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

9. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

10. Các hạng mục công trình chỉ được phép hoạt động khi bảo đảm phù hợp theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai, xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

11. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch tại Quyết định số 1701/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định và yêu cầu tại Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc ban hành Quy định về phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Thuận và các quy hoạch khác có liên quan.

12. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.